

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ BỨT TỐC

Ngô Thúy Quỳnh

Khoa Quản lí Nhà nước về Đô thị và Nông thôn, Học viện Hành chính Quốc gia

Tóm tắt. Chính quyền Hà Nội đã có chủ trương phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2011 nhưng cho tới nay công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố vẫn chưa phát triển như mong muốn và phát triển đang có hiệu quả thấp, ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển công nghiệp cũng như đến phát triển kinh tế của thành phố này. Nguyên nhân thì có nhiều nhưng phải kể đến nhận thức chưa tường minh, chưa đầy đủ và hành động chưa đúng của các cơ quan quản lí nhà nước đối với công nghiệp hỗ trợ. Bài viết góp phần làm rõ những vấn đề cơ bản về nhận thức, tư duy và hành động đối với chính quyền thành phố đối với việc phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Hà Nội từ đó rút kinh nghiệm cho Việt Nam.

Từ khóa: Công nghiệp hỗ trợ, hiệu quả, chính quyền, điều kiện phát triển công nghiệp hỗ trợ.

1. Mở đầu

Thực hiện chủ trương phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT) của Nhà nước, Chính quyền thành phố Hà Nội đã đề ra chủ trương và đã đưa ra nhiều biện pháp để phát triển CNHT trên địa bàn nhưng cho đến nay CNHT ở Hà Nội vẫn chưa phát triển như mong muốn, Nhìn chung CNHT phát triển chưa mạnh, đang có hiệu quả thấp. Tại sao lại có tình trạng như vậy? Vào năm 2016, Trịnh Kim Liên và các cộng sự đã triển khai nghiên cứu đề tài khoa học cấp thành phố về *Giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ của Hà Nội trong quá trình hội nhập quốc tế* [5] và đã đề cập tương đối nhiều điểm về phát triển CNHT ở Hà Nội và đưa ra một số giải pháp để thúc đẩy sự phát triển CNHT trên địa bàn. Song nhìn chung vấn đề được xem xét từ góc độ mong muốn chủ quan của thành phố là chủ yếu và các giải pháp đưa ra nặng về mong muốn của chính quyền thành phố. Nhìn từ góc độ khoa học, trong quá trình phân tích thực trạng phát triển CNHT tác giả cho rằng, nhận thức, tư duy, các quyết sách và điều hành của chính quyền thành phố Hà Nội còn bộc lộ nhiều hạn chế đối với việc phát triển CNHT. Trên cơ sở nghiên cứu lí thuyết và phân tích thực tiễn phát triển CNHT ở Hà Nội cũng như ở Việt Nam, tác giả bài viết mong muốn trình bày một số vấn đề để có thêm thông tin cho những ai quan tâm tham khảo.

Ngày nhận bài: 19/6/2019. Ngày sửa bài: 29/7/2019. Ngày nhận đăng: 1/8/2019.

Tác giả liên hệ: Ngô Thúy Quỳnh. Địa chỉ e-mail: ngothuyquynhapd@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát những việc Chính quyền Hà Nội đã triển khai và tình hình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố

2.1.1. Khái quát những việc chính quyền thành phố Hà Nội đã thực thi để phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn

a). *Triển khai Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển và triển khai Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 3/11/2015 của Chính phủ về phát triển CNHT ở Việt Nam trong những năm tới.*

b). *Ban hành danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực của thành phố Hà Nội*

c). *Ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật để tạo dựng khung luật pháp cho CNHT phát triển*

- Ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình số 77/CTr-UBND ngày 6/6/2011 về việc phát triển sản phẩm CNHT trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015 (căn cứ vào Chương trình phát triển công nghiệp chủ lực và chủ trương của Chính phủ về phát triển CNHT)

- Ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 7/1/2014 về việc quy định một số chính sách khuyến khích phát triển CNHT trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2015 (căn cứ vào chính sách khuyến khích phát triển CNHT của Nhà nước do Bộ Tài chính và Bộ Công thương ban hành)

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 13/8/2013 về việc trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực CNHT trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2013-2015.

Nhờ có những văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, bước đầu ở Hà Nội đã có khung khổ pháp lý để CNHT phát triển và thu được một số kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên nhìn chung các văn bản quy phạm pháp luật đó mới nêu vấn đề mang tính nguyên tắc, tính quan điểm là chính chứ chưa đưa ra những quy định cụ thể và thiếu tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư phát triển CNHT.

d). *Đang triển khai lập quy hoạch một khu công nghiệp dành riêng cho phát triển CNHT.*

2.1.2. Tình hình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến 2018

a). *Về kết quả sản xuất kinh doanh của khu vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Hà Nội:*

Theo báo cáo của Đề tài cấp thành phố do Trịnh Kim Liên làm chủ nhiệm thì năm 2018 giá trị do doanh thu các doanh nghiệp CNHT trên địa bàn Hà Nội tạo ra khoảng 246 nghìn tỉ đồng, so với năm 2011 gấp 1,6 lần. Trong tổng 500 doanh nghiệp có doanh thu thuộc nhóm đầu của ngành công nghiệp Hà Nội thì có tới 251 doanh nghiệp CNHT (chiếm 46%). So với mức phát triển chung của nền kinh tế thành phố thì CNHT có sự phát triển khá hơn nhưng nhìn chung vẫn chậm và yếu. Vị trí, vai trò của CNHT đối với sự phát triển của nền kinh tế cũng như của công nghiệp Hà Nội còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng. Tỷ lệ đóng góp của CNHT cho nền kinh tế của thành phố giảm sút từ 2011 đến 2018. Tỷ lệ đóng góp vào giá trị xuất khẩu giảm từ 37,7 % năm 2011 xuống còn 35,8% vào năm 2018 và đóng góp vào GRDP giảm từ khoảng 17,6% xuống 13,8%.

Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Hà Nội: Thực trạng và giải pháp để bứt tốc

Năm 2018 CNHT chiếm khoảng 13,8% GRDP, nộp ngân sách khoảng 6%; tạo ra giá trị xuất khẩu bằng khoảng 18,8% giá trị xuất khẩu của thành phố và bằng khoảng 53,4% giá trị xuất khẩu của riêng ngành công nghiệp Hà Nội; đồng thời, tạo việc làm cho khoảng 5 % lao động xã hội.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu chủ yếu về công nghiệp hỗ trợ của Hà Nội

Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2018
A. Cả nền kinh tế			
1. GRDP, giá 2010	Tỉ đ	245.749	563731
2. Lao động các ngành kinh tế quốc dân	10 ³ Người	3.546	3844
<i>Riêng lao động công nghiệp</i>	„	665,9	743,1
3. Tổng giá trị xuất khẩu	Tr. USD	8109	12875
Riêng GTXK của ngành công nghiệp	Tr. USD	3057	4525
<i>% so tổng giá trị xuất khẩu của T, phố</i>	%	37,7	35,8
4. Thu ngân sách, giá hiện hành	Tỉ đ	108.301	227.078
5. Tổng số doanh nghiệp công nghiệp	Doanh nghiệp	98.589	118.720
6. GTSX công nghiệp, giá 2010	Tỉ đ	272.523	665.231
B. Khu vực công nghiệp hỗ trợ			
1. Doanh thu, giá 2010	Tỉ đ	147.888	246.643
<i>% so GTSX công nghiệp</i>	%	54,2	37,1
1. Giá trị gia tăng của khu vực CNHT, giá 2010	Tỉ đ	43.331	75.918
<i>% so Doanh thu (GTSX)</i>	%	29,3	30,8
<i>% so với tổng GRDP của thành phố</i>		17,6	13,8
4. Giá trị xuất khẩu của khu vực CNHT	Tr.USD	856	2.420
<i>% so GTXK của ngành công nghiệp</i>	%	28,0	48,2
5. Lao động của khu vực CNHT	Người	157.682	192.220
<i>% so lao động xã hội của Hà Nội</i>	%	4,4	5,0
6. Nộp ngân sách của khu vực CNHT	Tỉ đ	6.479	13.699
Riêng doanh nghiệp FDI	„	3.110	9.335
<i>% so tổng nộp ngân sách của CNHT</i>	%	48,0	65,2
<i>% so tổng thu ngân sách của T. phố</i>	%	5,95	6,04

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Hà Nội - Niên giám thống kê 2018 [8]

b). Hiệu quả phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Hà Nội còn thấp

Bảng 2. Một số chỉ tiêu chủ yếu về hiệu quả phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2018
1. Năng suất lao động của khu vực CNHT	Tr.đ	368,6	461,2
2. Tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu của khu vực CNHT	%	9,2	9,1
3. Tỷ lệ đóng góp của khu vực CNHT vào quy mô nền kinh tế	%	23,6	20,3
4. Tỷ lệ đóng góp của khu vực CNHT vào thu ngân sách của tỉnh	%	5,9	6,0
5. Tỷ lệ đóng góp của khu vực CNHT cho xuất khẩu của tỉnh	%	10,6	18,7
6. Tỷ lệ đóng góp số việc làm của khu vực CNHT cho cả nền kinh tế của tỉnh	%	4,4	5,2
7. Tỷ lệ đóng góp cho xuất khẩu công nghiệp của Hà Nội	%	28,0	47,9
8. Tốc độ tăng của CNHT bình quân năm	%/năm	4,9	5,2

Nguồn: Tác giả xử lý theo số liệu của Cục thống kê Hà Nội năm 2018

Trong giai đoạn 2011-2018, hiệu quả phát triển của CNHT ở Hà Nội còn tương đối thấp. Nhiều chỉ tiêu hiệu quả không tăng hoặc có tăng thì cũng rất chậm. Điều đó thể hiện ở những điểm chính như: Năng suất lao động của khu vực CNHT tăng chậm, chỉ khoảng 3,8%/năm; Tốc độ tăng giá trị gia tăng của khu vực CNHT cũng chỉ được khoảng 6,5%/năm; Tỷ lệ giá trị gia tăng trong tổng giá trị sản xuất của khu vực CNHT chỉ được khoảng 30% (trong khi của cả ngành công nghiệp Hà Nội đạt khoảng 37%).

2.1.3. Nguyên nhân của tình trạng yếu kém, hiệu quả thấp trong việc phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Hà Nội

+ Chủ trương phát triển CNHT chưa rõ ràng, chính sách chưa đủ mức, chưa phù hợp và thiếu cụ thể. Hà Nội xác định 6 nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và theo đó sẽ phát triển sản phẩm CNHT (sản xuất phương tiện vận tải; dệt may da giày; điện, điện tử viễn thông; cơ khí; bao bì nhãn mác; chế biến nông lâm sản). Thực tế chỉ ra rằng, đối với thành phố Hà Nội chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực như thế là chưa phù hợp. Dệt may, da giày tuy có giá trị lớn nhưng tỷ lệ giá trị gia tăng rất thấp (chỉ khoảng 12-13% giá trị sản lượng). Hà Nội không có nguyên liệu nông, lâm sản nên phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản khó cạnh tranh được với các địa phương giàu có về nguyên liệu là nông, lâm sản. Công nghiệp bao bì nhãn mác, sản xuất phương tiện vận tải, cơ khí cũng không phải là thế mạnh của Hà Nội nên xác định chúng là sản phẩm chủ lực sẽ không hấp dẫn các nhà đầu tư đổ vốn vào các lĩnh vực này. Chính sách khuyến khích vừa thiếu cụ thể vừa chưa đủ mức hấp dẫn nên một số nhà đầu tư lớn không đến Hà Nội mà đến các địa phương khác (rõ nhất là nhà đầu tư điện thoại SAMSUNG đến Thái Nguyên đầu tư. Năm 2018 Công ty SAMSUNG Thái Nguyên xuất khẩu 16-17 tỉ USD, riêng linh kiện, phụ kiện điện thoại xuất khẩu được khoảng 2,5 tỉ USD. Trong khi

tổng giá trị xuất khẩu của thành phố Hà Nội chỉ được khoảng 12 tỉ USD và lĩnh vực CNHT chỉ xuất khẩu được khoảng 1,9 tỉ USD).

+ Do nhận thức và hiểu biết về CNHT chưa tường minh và chưa đầy đủ nên Hà Nội đang thiếu điều kiện để CNHT phát triển. Thực tiễn chỉ ra rằng, để CNHT phát triển được cần có 5 điều kiện cơ bản: (1). Xí nghiệp lắp ráp quy mô lớn (vừa làm hạt nhân, giữ vị trí nòng cốt vừa có thị trường cả trong nước và quốc tế rộng lớn); nguyên vật liệu cao cấp và công nghệ hiện đại để chế tạo linh kiện, phụ kiện; (2). Thu được lợi nhuận cao (muốn vậy thì chính sách của nhà nước phải tạo ra sự ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp CNHT hoạt động và thu được nhiều lợi nhuận); (3). Kết cấu hạ tầng tốt và chi phí đầu vào thấp; (4). Nhân lực có chất lượng (đây là yếu tố cần thiết nhưng nếu quyết tâm và có cách làm đúng thì sau khi ký thỏa thuận để cấp phép đầu tư Chính quyền thành phố phối hợp với doanh nghiệp tiến hành đào tạo nhân lực thì sẽ có nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của CNHT).

Bảng 3. Cơ cấu công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Hà Nội

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2018
Cơ cấu ngành nghề của khu vực CNHT	%	100	100
- Ôtô, xe máy	%	6,4	7,8
- Điện tử viễn thông	%	5,11	8,9
- Cơ khí	%	23,9	24,8
- Dệt may, da giày	%	3,8	4,9

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Cục Thống kê thành phố Hà Nội - Niên giám thống kê 2018 [8]

+ Do những nguyên nhân vừa nêu ở trên, cơ cấu CNHT trên địa bàn Hà Nội chưa phát huy được tiềm năng, lợi thế so sánh của thành phố và chưa thể hiện yêu cầu phát triển theo hướng hiện đại hóa. Riêng các doanh nghiệp CNHT thuộc khối FDI tạo ra khoảng 67-68% khoản nộp ngân sách của khu vực CNHT. Thực tiễn cho biết, doanh nghiệp CNHT của Việt Nam phải nhập từ công nghệ đến nguyên liệu để sản xuất linh kiện, phụ kiện nên không thể cạnh tranh được với các doanh nghiệp CNHT của khu vực FDI.

Theo báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học do Trịnh Kim Liên làm chủ nhiệm thì các loại hình sản xuất thuộc lĩnh vực CNHT chưa hợp lí. Loại hình 1 (Sản xuất theo phương thức sử dụng nguồn nguyên liệu, thiết kế do khách hàng cung cấp và gắn nhãn hiệu sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng) là loại hình hoạt động chủ yếu của các doanh nghiệp CNHT (chiếm 74,8%); tiếp đến là loại hình thứ 3 (Sản xuất theo phương thức tự thiết kế sản phẩm, tự mua nguyên và có nhãn hiệu riêng của doanh nghiệp (chiếm 21,7%) và loại hình thứ 2 (Sản xuất theo phương thức tự thiết kế sản phẩm, tự mua nguyên liệu, nhưng gắn nhãn hiệu sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng) chỉ chiếm phần ít còn lại.

+ Nhìn chung, trình độ công nghệ của doanh nghiệp CNHT trên địa bàn Hà Nội còn thấp và phụ thuộc vào nước ngoài. Xét theo mức độ công nghệ đối với các thiết bị chính trong dây chuyền sản xuất thì: Thủ công chiếm khoảng 27,8%; Cơ khí hóa bán tự động

chiếm khoảng 39,9% và Tự động hóa chiếm khoảng 32,3%. Điều này cho thấy tự động hóa của doanh nghiệp CNHT trên địa bàn Hà Nội đang ở mức khá khiêm tốn.

Bảng 4. Đánh giá về trình độ công nghệ của công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Hà Nội, năm 2018

Nội dung đánh giá	Doanh nghiệp tự đánh giá	Tần suất	Tỉ lệ %
Mức độ điều khiển đối với các thiết bị chính của dây chuyền sản xuất	Thủ công	48	24,4
	Cơ khí hóa Bán tự động	79	39,99
	Tự động hóa	64	32,36
Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và sản xuất	Điều khiển toàn bộ quá trình sản xuất	12	6,15
	Chỉ điều khiển các thiết bị chính	130	65,86
	Quản lí nhân sự và giao dịch	102	51,82
	Quản lí thông tin công nghệ	52	26,86
Các hệ thống quản lí chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế mà doanh nghiệp hiện đang áp dụng	ISO 9001-2008	59	30,80
	ISO 14001-2005	9	4,95
	Sản xuất sạch hơn	10	5,45
	Tiết kiệm năng lượng	47	23,94
	Tiêu chuẩn khác	28	14,44
Các phương pháp quản lí sản xuất hiện đại nào doanh nghiệp hiện đang áp dụng	Không áp dụng	11	5,76
	JIT	5	2,83
	5S	52	26,56
	Kaizen	37	18,89
	Lean	17	8,79
	Khác	37	18,89

Nguồn: Trịnh Kim Liên, kết quả khảo sát của đề tài “Giải pháp phát triển CNHT trên địa bàn Hà Nội trong quá trình hội nhập quốc tế” và Sở Công thương

+ Lao động làm việc trong các doanh nghiệp CNHT chủ yếu là lao động phổ thông với tỉ lệ trung bình khoảng 69%, tỉ lệ lao động có trình độ cao đẳng và đại học chiếm khoảng 30%, lao động có trình độ sau đại học chỉ chiếm khoảng 1%. Trong khu vực CNHT, ngành sản xuất ô tô và điện tử là những ngành có trình độ lao động tốt hơn.

2.2. Kiến nghị một số giải pháp để phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Hà Nội trong những năm tới

2.2.1. Đổi mới tư duy, nhận thức để từ đó có hành động đúng về phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực và công nghiệp hỗ trợ cần ưu tiên phát triển trên địa bàn Hà Nội

+ Cần xác định lại các sản phẩm công nghiệp chủ lực để lựa chọn đúng đắn sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Hà Nội phù hợp với chủ trương của Nhà nước trung ương tại Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 3/11/2015 và Quyết định số 9028/QĐ-BCT ngày 8/10/2014 của Bộ Công thương. Xuất phát từ việc xem chức năng cơ bản của thành phố Hà Nội là phát triển dịch vụ chất lượng cao và phát triển công nghiệp công nghệ cao, có giá trị kinh tế lớn và có tỉ trọng giá trị gia tăng cao nên sản phẩm công nghiệp chủ lực của Hà Nội phải là cơ điện tử (mà tiêu biểu là sản xuất máy tính; thiết bị nghe nhìn và viễn thông; thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị tự động hóa; công nghiệp văn hóa, giải trí cao cấp; sản xuất thuốc chữa bệnh...) để xác định sản phẩm CNHT được ưu tiên phát triển. Không nên chọn công nghiệp dệt may, da giày, cơ khí, sản xuất phương tiện vận tải, chế biến nông lâm sản làm lĩnh vực công nghiệp chủ lực.

+ Thu hút nhiều nhà đầu tư lớn, có tiềm lực công nghệ cao đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp, Đức, Mỹ... Làm như vậy mới có điều kiện để phát triển CNHT và có thị trường lớn cho sản phẩm CNHT. Đây là yếu tố mang tính quyết định nên phải đặc biệt chú ý. Thời gian đầu, khi tiềm lực vốn đầu tư của tư nhân trên địa bàn Hà Nội còn hạn chế, nguyên vật liệu và thiết bị sản xuất linh kiện, phụ kiện, phụ tùng, chi tiết thiết bị chưa có thì thành phố nên tính tới cách khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân trong nước liên doanh với các đại gia lắp ráp ô tô, điện thoại, thiết bị viễn thông, lắp ráp máy tính, sản xuất máy móc văn phòng... để sản xuất linh phụ kiện, phụ tùng máy móc thuộc CNHT trong các chuỗi giá trị sản phẩm mang tầm quốc tế. Một thời gian sau, chính quyền Hà Nội có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư trong nước mua lại nhà máy sản xuất các sản phẩm CNHT. Đó là cách làm đem lại thành công cho một số quốc gia, trong đó tiêu biểu là Trung Quốc, Thái Lan và Malaysia. Không thể phát triển CNHT trong khi thiếu công nghệ chế tạo linh kiện phụ kiện, thiếu nguyên liệu chất lượng cao và trong khi các nhà lắp ráp của nước ngoài chỉ muốn kéo các doanh nghiệp CNHT từ nước họ sang. Vì thế, Chính quyền Hà Nội cũng như Chính phủ Việt Nam cần có phương thức phát triển CNHT một cách phù hợp. Giai đoạn đầu nên lôi kéo doanh nghiệp CNHT từ các quốc gia có công nghiệp phát triển hàng đầu mà họ đang có xí nghiệp lắp ráp tại Việt Nam. Tiếp theo là khuyến khích liên doanh giữa nhà đầu tư Việt Nam và nhà đầu tư FDI. Rồi sau đó khi có điều kiện sẽ tự phát triển CNHT của người Việt Nam. Đó có thể xem như cách làm khôn ngoan.

2.2.2. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước để phát triển công nghiệp hỗ trợ mạnh mẽ, có hiệu quả

Tác giả bài viết xin nhấn mạnh một số điểm quan trọng:

a). Hoàn thiện hệ thống bộ máy quản lý phát triển CNHT. Cần xây dựng một Trung tâm hỗ trợ phát triển CNHT. Trung tâm này có chức năng cung cấp thông tin về CNHT; tư vấn xây dựng dự án, hợp tác quốc tế, giúp chính quyền thành phố phát hiện và tham mưu giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp CNHT...). Hà Nội cũng như Việt Nam học tập kinh nghiệm của Nhật Bản trong việc phát triển CNHT như cách làm của Thái Lan và Malaysia đã từng thực hiện và đã thành công trong lĩnh vực phát triển CNHT ở nước họ. Định kỳ tổ chức đối thoại giữa Chính quyền thành phố với doanh nghiệp CNHT để tháo gỡ khó khăn kịp thời cho doanh nghiệp.

b). Ban hành và tổ chức thực hiện tốt chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ đủ sức hấp dẫn và đem lại lợi nhuận cao cho các dự án CNHT trên cơ sở cụ thể hóa chính sách do Bộ Tài chính, Bộ Công Thương đã ban hành vào năm 2011.

+ Khuyến khích những dự án lắp ráp quy mô vốn trên tỉ USD và dự án phát triển CNHT khoảng trên 100 triệu USD; xuất khẩu sản phẩm trên 300 triệu USD. Cụ thể là cấp đất ở những vị trí thuận lợi, giảm khoảng 30% thuế thu nhập doanh nghiệp và giảm khoảng 15% thuế xuất nhập khẩu.

+ Khuyến khích những dự án CNHT sử dụng ít đất và ít điện. Nếu mức sử dụng đất, điện ít hơn mức thông thường 30% thì sẽ được hưởng ưu đãi về thuế như các dự án đã nêu ở mục trên.

+ Hỗ trợ kinh phí đào tạo nhân lực quản lý và công nhân trình độ cao khi phải đưa người sang nước ngoài đào tạo với mức hỗ trợ khoảng 25-30% kinh phí.

c). Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để các dự án CNHT phát triển có hiệu quả

+ Cần quy hoạch một hoặc vài khu công nghiệp dành riêng cho phát triển CNHT phục vụ cả thị trường miền Bắc, cả nước và quốc tế với quy mô khoảng vài trăm ha tại khu vực ngoại đô.

+ Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, theo hướng hiện đại, nhất là phát triển mạng giao thông kết nối thông suốt từ doanh nghiệp CNHT đến sân bay, cảng biển, ga đường sắt; xây dựng các công trình cấp điện, nước; thu gom và xử lý nước thải và chất thải rắn công nghiệp. Đồng thời, phát triển các dịch vụ hỗ trợ khác như hải quan, logistic, viễn thông, ngân hàng...

d). Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Cải tiến mạnh mẽ việc thực hiện thủ tục hành chính, làm cho việc thực hiện thủ tục hành chính diễn ra nhanh chóng, hiệu quả, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Rút ngắn thời gian cấp phép đầu tư, công khai minh bạch chính sách khuyến khích phát triển CNHT trên địa bàn. Đồng thời nâng cao thứ hạng trong bảng xếp hạng PCI và PAPI của các tỉnh trong cả nước. Trong những năm từ 2019 trở đi cố gắng đứng trong nhóm 10 các tỉnh có chỉ số PCI, PAPI cao trong các địa phương của Việt Nam.

Hoàn thiện chính quyền điện tử, cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin cần thiết cho doanh nghiệp, nhất là cho các nhà đầu tư phát triển CNHT.

đ). Tổ chức đánh giá hiệu quả phát triển CNHT và hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển CNHT trên địa bàn thành phố hàng năm. Kết quả đánh giá cần công khai với người dân và doanh nghiệp.

e). Triển khai xúc tiến đầu tư và thương mại để phát triển CNHT. Đặc biệt coi trọng thu hút các nhà đầu tư lớn từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Đức, Pháp... để phát triển CNHT thuộc các lĩnh vực trọng điểm nhằm phát triển được các sản phẩm công nghiệp chủ lực của thành phố một cách nhanh chóng và hiệu quả cao.

3. Kết luận

Phát triển CNHT là một trong những nhiệm vụ phát triển quan trọng trên địa bàn thành phố Hà Nội, nó có cơ sở lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên để phát triển CNHT trên địa bàn thành phố trong bối cảnh Việt Nam thiếu nguyên vật liệu chất lượng cao, thiếu công nghệ chế tạo linh kiện, phụ kiện cho công nghiệp lắp ráp và các doanh nghiệp lắp

ráp đều của các Tập đoàn công nghiệp lớn của nước ngoài. Vì thế để CNHT trên địa bàn Hà Nội có thể phát triển như mong muốn thì phải có kế sách hợp lí, có cách làm và bước đi phù hợp; đồng thời chính quyền thành phố cần có ý chí và quyết tâm chính trị cao, có chương trình hành động quyết liệt và nhận được sự hỗ trợ của các Bộ ngành trung ương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Bộ Công thương (2014)*, Quyết định số 9028/QĐ-BCT về phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” ngày 8/10/2014
- [2] *Bộ Công Thương và Bộ Tài chính (2011)*, Chính sách tài chính hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam”, *Hội thảo khoa học tổ chức vào tháng 12/2011*
- [3] *Chính phủ (2015)*, Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, ngày 3/11/2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ
- [4] *Cục thống kê Hà Nội*, Niên giám thống kê Hà Nội năm 2018
- [5] *Trịnh Kim Liên (2016, chủ nhiệm đề tài)*, Giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ của Hà Nội trong quá trình hội nhập quốc tế, *Đề tài Khoa học cấp thành phố, Hà Nội*.

ABSTRACT

Development of supporting industry in Hanoi: Situation and solutions to speed up

Ngo Thuy Quynh

*State Management Department of Urban and Rural,
National Academy of Public Administration*

The Hanoi government has advocated supporting industry development since 2011, but so far, the supporting industries in the city have not developed effectively as expected to the industrial development as well as the economic development of this city. There are many reasons, but there are unclear, insufficient and improper actions of state management agencies for supporting industries. This paper helps to clarify the basic issues of awareness, thinking and action for municipalities in the development of supporting industries in Hanoi, thereby, drawing lessons for Vietnam.

Keywords: Supporting industry, efficiency, government, conditions for supporting industry development.